

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TP/HCM  
KHOA NGỮ VĂN VÀ BÁO CHÍ



# BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC

“NGÀNH ĐÀO TẠO HÁN NÔM – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP”

TP. HỒ CHÍ MINH  
10 – 1996

# VẤN ĐỀ DẠY VÀ HỌC HÁN NÔM

NGUYỄN KHUÊ

Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Hán Nôm  
Khoa Ngữ văn và Báo chí

Hán Nôm là một trong năm ngành đào tạo của Khoa Ngữ văn và Báo chí thuộc trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong những năm gần đây, sinh viên Ngữ văn tỏ ra không mấy ham thích học chữ Hán và chữ Nôm, và số sinh viên chọn học chuyên ngành Hán Nôm ở giai đoạn 2 cũng rất ít, thậm chí có năm không có. Mặt khác, đội ngũ cán bộ giảng dạy môn Hán Nôm cũng giảm sút đến mức đáng lo ngại. Trước tình hình “đi xuống” đó, không chỉ ban chủ nhiệm Khoa Ngữ văn và Báo chí và tổ bộ môn Hán Nôm chúng tôi, là những người có trách nhiệm trực tiếp, lo lắng suy nghĩ<sup>1</sup>, mà xã hội cũng quan tâm và lên tiếng báo động trên báo chí.<sup>2</sup>

Vì lý do ấy, ban chủ nhiệm Khoa Ngữ văn và Báo chí và tổ Hán Nôm chúng tôi có tổ chức cuộc hội thảo này mà thành phần tham dự là đại diện ban Giám hiệu và Đảng ủy nhà trường, phòng Đào tạo, Khoa Ngữ văn và Báo chí, quý vị đại diện các cơ quan, ban ngành có liên quan đến ngành Hán Nôm, các nhà nghiên cứu và giảng dạy môn Hán Nôm và những vị hăng quan tâm đến vấn đề Hán Nôm, để cùng thảo luận, trao đổi ý kiến hầu tìm ra những giải pháp trước mắt và lâu dài cho việc duy trì và phát triển ngành Hán Nôm.

Với mục đích vừa nêu, chúng tôi dự kiến đặt ra trong cuộc hội thảo này ba vấn đề để thảo luận: chữ Hán và chữ Nôm trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, ngành đào tạo Hán Nôm tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh – thực trạng và nguyên nhân, và những giải pháp trước mắt và lâu dài cho vấn đề đào tạo Hán Nôm.

## I. Chữ Hán và chữ Nôm trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước

### I.1. Chữ Hán

Nước ta bị Trung Quốc đô hộ quá sớm và quá lâu, từ năm 111 trước Tây lịch đến năm 938 sau Tây lịch. Trong thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn một ngàn năm đó, chữ Hán và Hán học đã được người Trung Quốc đem truyền bá cho nhân dân ta. dung□hi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên dung Bạch Đằng, mở ra kỷ nguyên độc lập tự chủ cho dân tộc ta, trải qua các triều đại phong kiến từ nhà Ngô đến triều Nguyễn, chữ Hán vẫn được tiếp tục dung như là văn tự của quốc gia. Từ việc hành chánh, học hành thi cử cho đến việc biên soạn, dung tác và các sinh hoạt xã hội khác đều dung chữ Hán. Tiên nhân ta đã lợi dụng chữ viết của Trung Quốc để xây dựng và phát triển một nước Việt Nam văn hiến, “cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên xưng đế một phương” (Nguyễn Trãi). Thậm chí, cho đến khi người Pháp thống trị nước ta và triều đình Huế đã bỏ kỳ thi chữ Hán năm 1918, chữ Hán vẫn còn được dân chúng tiếp tục dung.

### I.2. Chữ Nôm

Nhân dân ta lại vận dụng chữ Hán mà chế tác chữ Nôm để ghi lại tiếng nói của dân tộc. Chữ Nôm đã xuất hiện từ thời Bắc thuộc, nhưng đến đời Lý mới thành một hệ thống văn tự có khả

năng diễn tình đạt ý, và đến đời Trần mới bắt đầu được dùng để sáng tác văn chương. Từ đó, chữ Nôm phát triển và tồn tại song song với chữ Hán. Các nhà văn, nhà thơ của ta vừa có tác phẩm chữ Hán, vừa có tác phẩm chữ Nôm. Sự hình thành chữ Nôm là một bước phát triển quan trọng của nền văn hoá dân tộc và hiển nhiên là một niềm tự hào rất lớn của nhân dân ta. Nếu không có chữ Nôm thì chẳng lẽ một dân tộc hơn bốn ngàn năm lịch sử lại không có một thứ chữ viết riêng của mình sao?

### I.3. Kết quả của việc sử dụng chữ Hán và chữ Nôm

Chữ Hán và chữ Nôm được nhân dân ta sử dụng trong một thời gian lâu dài như vậy, nên đã có những kết quả tất yếu về ngôn ngữ và văn hoá.

#### I.3.1. *Về ngôn ngữ*

Trong quá trình sử dụng chữ Hán, nhân dân ta đã hình thành một cách đọc chữ Hán riêng, gọi là cách đọc Hán Việt. Trong ngôn ngữ của ta, ngoài âm Hán Việt, còn có âm Hán Việt cổ và âm Hán Việt Việt hoá. Hiện nay, trong tiếng Việt có một số lượng rất lớn những từ phổ thông và từ khoa học kỹ thuật là từ Hán Việt.

#### I.3.2. *Về văn hoá*

Chúng ta hiện nay có một số lớn sách Hán Nôm do tiền nhân chúng ta biên soạn và sáng tác. Di sản Hán Nôm này đa dạng về thể loại, phong phú về nội dung, bao gồm nhiều lãnh vực khác nhau, mà theo cách phân loại của Trần Văn Giáp trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* thì gồm có tám loại là lịch sử, địa lý, kỹ thuật, ngôn ngữ, văn học, tôn giáo, triết học và sách tổng hợp.<sup>3</sup>

Hiện nay, Viện Nghiên cứu Hán Nôm ở Hà Nội quản lý một số lượng đáng kể những văn bản Hán Nôm do người Việt biên soạn dưới hình thức sách và các xấp tờ rời như thác bản văn bia, thần sắc... Theo con số thống kê gần đây, Viện này quản lý 5.038 đầu sách và khoảng 30.000 đơn vị tư liệu; riêng thác bản văn bia, có khoảng 22.000 đơn vị, trong đó có 20.979 đơn vị do Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp chuyển giao, số còn lại là mới rập thêm từ 1958 trở lại đây.<sup>4</sup> Đó là chưa kể những sách Hán Nôm ở các thư viện của các viện nghiên cứu khác, các cơ quan lưu trữ, các trường đại học, các tủ sách gia đình; và cũng chưa kể những sách Hán Nôm được lưu trữ ở thư viện các nước ngoài như Nhật, Trung Quốc, Pháp, Anh, Vatican...

### I.4. Ích lợi của việc học chữ Hán và chữ Nôm

#### I.4.1. *Học chữ Hán để có thể vận dụng tiếng Việt một cách chính xác*

Như trên đã nói, trong tiếng Việt có một số lượng rất lớn những từ Hán Việt. Để có thể vận dụng những từ này một cách chính xác, hiểu đúng và không đúng, người Việt nào cũng cần biết ít nhiều chữ Hán – không cần nhớ mặt chữ, chỉ cần hiểu nghĩa cũng đủ. Chính vì không hiểu nghĩa của từ Hán Việt mà hàng ngày, trong sinh hoạt bình thường, người ta đã dùng sai nhiều từ thuộc loại này. Ở đây chỉ xin nêu một số trường hợp mà chính người viết bài này đã nghe thấy. Còn nhớ khoảng 1964, trong giờ Việt văn lớp 11 (sắp thi tú tài bán phần), tôi hỏi học sinh “quân chủ” là gì, một em đã trả lời với vẻ tự tin “quân chủ là quân đội làm chủ!” Bây giờ, thỉnh thoảng tôi lại hỏi sinh viên về nghĩa của chữ “đại” trong đại danh từ, và nhiều em đã không ngần ngại trả lời “đại là lớn”. Tôi đã nghe nhiều cô cậu mới kết hôn, giới thiệu người vợ hoặc người chồng mới cưới của mình: “Đây là vị hôn thê (hoặc vị hôn phu) của tôi”, họ không hiểu rằng chữ “vị” này nghĩa là chưa, vị hôn thê là người vợ chưa cưới, vị hôn phu là người chồng chưa cưới, chỉ mới

đính hôn. Thời phong kiến, người ta gọi các quan là “dân chi phụ mẫu” (cha mẹ của dân), thế mà nay tôi đã nghe nhiều người nói, thậm chí thấy nhiều người viết trên báo là “phụ mẫu chi dân” (dân của cha mẹ), v.v. và v.v.

Chữ Hán cần thiết như vậy, nên chương trình giáo dục Hoàng Xuân Hãn (1945), bậc trung học phổ thông (nay là phổ thông cấp 2), học sinh ban A mỗi tuần học 4 giờ chữ Hán, ban B mỗi tuần 1 giờ; bậc trung học chuyên khoa (nay là cấp 3) có ban Hán tự mỗi tuần học 6 giờ chữ Hán, ban sinh ngữ mỗi tuần học 1 giờ chữ Hán, các ban khoa học có thể lựa chọn hoặc học hai sinh ngữ hoặc học một sinh ngữ và chữ Hán. Ở miền Nam, cho đến trước 30-4-1975, học sinh trung học đệ nhất cấp (nay là cấp 2) mỗi tuần phải học 1 giờ chữ Hán; học sinh trung học đệ nhị cấp (nay là cấp 3), ban D (văn chương cổ ngữ) mỗi tuần học 6 giờ Hán văn.

#### 1.4.2. *Chữ Hán là công cụ trong việc diễn chế các danh từ chuyên môn*

Trong lãnh vực học thuật, chữ Hán cũng có một vị trí quan trọng. Để đặt những danh từ chuyên môn, những thuật ngữ, người ta có thể theo một trong ba cách: dùng tiếng thuần Việt, dùng từ gốc Hán hoặc phiên âm. Không kể cách phiên âm, cách dùng thuần Việt có điều lợi là dễ hiểu, nhưng về khoa học kỹ thuật, tiếng thuần Việt quá ít, không đủ dùng; mặt khác, gặp trường hợp phải ghép nhiều tiếng lại thì không được gọn gàng như dùng từ gốc Hán. Muốn diễn chế các danh từ chuyên môn, các nhà khoa học không thể không am tường chữ Hán.

#### 1.4.3. *Chữ Hán và chữ Nôm là công cụ không thể thiếu được trong công tác bảo tồn và khai thác di sản Hán Nôm*

Trong số những sách Hán Nôm của tiền nhân ta để lại, một số văn bản chữ Hán đã được dịch, một số tác phẩm chữ Nôm đã được phiên âm (chuyển tả ra chữ quốc ngữ). Để phục vụ đông đảo quần chúng độc giả không đọc được chữ Hán và chữ Nôm, chúng ta phải tiếp tục phiên dịch và phiên âm số sách còn lại. Ngay cả những sách đã phiên dịch, phiên âm rồi, bản dịch và bản phiên âm không phải là đã hoàn hảo, chính xác, không có những vấn đề phải xem xét lại. Người làm công tác dịch thuật, chuyển tả, văn bản học (khảo sát văn bản, xác định tác giả, xác định niên đại, khai dị, hiệu đính...), chú giải, v.v., nếu không phải là nhà nghiên cứu Hán Nôm hoặc nhà nghiên cứu văn học thông hiểu chữ Hán và chữ Nôm thì là ai? Đó là chưa nói đến những nhà sử học muốn khai thác nguồn sử liệu Hán Nôm, những nhà ngôn ngữ học muốn nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt và tiếng Hán Việt, v.v. đều không thể không biết chữ Hán và chữ Nôm. Và còn nhiều lãnh vực khác nữa, như địa lý, y học, triết học, tôn giáo,...

#### 1.4.4. *Chữ Hán là phương tiện tiếp cận nền văn hoá Trung Quốc*

Ngoài những ích lợi kể trên, nếu biết chữ Hán, người ta còn có thể đọc được sách Trung Quốc để tìm hiểu văn chương, tư tưởng, lịch sử... của nước này, một trong số rất ít nước có nền văn minh xưa nhất và cũng rực rỡ nhất, một nước láng giềng vốn có mối quan hệ mật thiết với nước ta về nhiều phương diện trong một quá trình lịch sử lâu dài.

Nếu học Hán Nôm với tinh thần dân tộc, khoa học và khai phóng, nhắm mục đích thực tiễn là bảo tồn và phát huy di sản văn hoá ông cha, lấy xưa phục vụ nay, góp phần xây dựng một đất nước phát triển, văn minh, tiến bộ mà không lia bỏ cội nguồn, thì khác hẳn với cái học từ chương cử nghiệp trước kia, sao có thể cho là cở lỗ, lỗi thời?

## II. **Ngành đào tạo Hán Nôm tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh – thực trạng và nguyên nhân**

Sau 30-4-1975, trường Đại học Văn khoa Sài Gòn trở thành trường Đại học Văn khoa Thành phố Hồ Chí Minh, đến 30-4-1977 thì hợp nhất với trường Đại học Khoa học dưới tên mới là trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Ngành Việt Hán của trường Đại học Văn khoa cũ cũng được đổi thành ngành Hán Nôm nay thuộc Khoa Ngữ văn và Báo chí của trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

## II.1. Việc giảng dạy môn Hán Nôm tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

II.1.1. Lúc đầu môn Hán Nôm do bộ phận Hán Nôm trong tổ Ngữ văn Việt Nam phụ trách. Năm 1979, tổ Ngữ văn Việt Nam được nâng lên thành khoa Ngữ văn, thì bộ phận Hán Nôm trở thành một tổ bộ môn.

### II.1.2. *Chương trình giảng dạy*

#### a. *Cử nhân*

Trước đây, ở giai đoạn 1 (năm thứ nhất và năm thứ hai), sinh viên ngữ văn được học 135 tiết chữ Hán, 30 tiết chữ Nôm; ở giai đoạn 2 (năm thứ ba và năm thứ tư), học thêm 105 tiết chữ Hán, 30 tiết chữ Nôm. Tính chung cả hai giai đoạn, sinh viên học 240 tiết chữ Hán và 60 tiết chữ Nôm. Nếu theo học ngành Hán Nôm, không kể những chuyên đề tự chọn và những chuyên đề học chung với sinh viên ngành văn học và ngôn ngữ học, sinh viên Hán Nôm được học thêm 60 tiết chữ Nôm, 165 tiết Hán văn Việt Nam, 150 tiết Hán văn Trung Quốc và 270 tiết tiếng Trung Quốc. Kể cả giai đoạn 1, sinh viên Hán Nôm được học 945 tiết chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Trung Quốc.

Theo chương trình giáo dục đại cương bắt đầu áp dụng từ năm học 1994-1995, giai đoạn 1 gồm có 3 học kỳ, sinh viên được học 90 tiết chữ Hán và 45 tiết chữ Nôm. Sang giai đoạn 2 (gồm có 5 học kỳ), sinh viên ngành văn học và ngôn ngữ học không học chữ Hán và chữ Nôm nữa. Như vậy, kiến thức chữ Hán và chữ Nôm của sinh viên ngữ văn quá ít, không đủ cho họ có thể vận dụng vào công việc nghiên cứu sau này. Riêng sinh viên Hán Nôm được học thêm 810 tiết chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Trung Quốc. Tính chung cả hai giai đoạn, sinh viên Hán Nôm được học 945 tiết chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Trung Quốc, bằng số tiết trước đây.<sup>5</sup>

#### b. *Cao học và tiến sĩ*

Cho đến nay, khoa Ngữ văn và Báo chí chỉ đào tạo cao học (thạc sĩ), phó tiến sĩ và tiến sĩ hai chuyên ngành văn học và ngôn ngữ học, chưa có Hán Nôm, mặc dầu tổ Hán Nôm đã nhiều lần đề nghị mở cao học và tiến sĩ Hán Nôm.<sup>6</sup>

## II.2. Tình hình nhân sự của tổ Hán Nôm

Sau 30-4-1975, ban Hán văn cũ (của trường Đại học Văn khoa) được đánh giá «mạnh» về cả lượng lẫn chất. Nay tổ Hán Nôm chỉ có 5 cán bộ (3 trong biên chế và 2 dạy theo hợp đồng), trong số đó có 2 giảng viên chính, 1 cao học văn chương Việt Hán, 1 thạc sĩ văn học Việt Nam. Cả 3 cán bộ trẻ của tổ đều đang học nghiên cứu sinh để bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành lý thuyết và lịch sử văn học (đề tài có liên quan đến ngành Hán Nôm). Về tuổi tác, thì 1 cán bộ đã nghỉ hưu dạy theo hợp đồng và 1 người gần đến tuổi hưu trí. Tình hình này cho thấy sự cần thiết phải đào tạo gấp những người trẻ có khả năng chuyên môn không những để thay thế những người lớn tuổi mà còn tăng cường đội ngũ cán bộ giảng dạy cho tổ.

### II.3. Chất lượng đào tạo

Mặc dầu số tiết học dành cho môn Hán Nôm tương đối ít, đội ngũ cán bộ giảng dạy lại bị mỏng đi do một số vị có trình độ cao và có kinh nghiệm đã nghỉ hưu hoặc xuất cảnh, tổ Hán Nôm đã xây dựng một chương trình đào tạo thiết thực và cố gắng giảng dạy có chất lượng.

Để nâng cao trình độ cho sinh viên Hán Nôm, không kể những lần đi thực tập chung với sinh viên ngành văn học và ngôn ngữ học, từ trước đến nay chúng tôi đã tổ chức 3 chuyến đi thực tập dành riêng cho sinh viên Hán Nôm: 2 chuyến đi Huế và gần đây là chuyến đi Vĩnh Long. Qua các lần đi thực tập ấy, sinh viên đó dịp vận dụng những điều đã học vào những công việc thực tế như sưu tầm những tư liệu Hán Nôm còn được cất giữ trong dân chúng, rập các văn bia, sao chép các câu đối, các bài thơ ở các đình, chùa, lăng tẩm, cung điện... Cũng xin nói thêm ở đây là trong chuyến đi thực tập ở Huế năm 1980, sinh viên Hán Nôm đã ghi lại và đánh dấu vị trí của tất cả những bài thơ ở điện Thái Hoà. Công việc này đã giúp ông Huỳnh Minh Đức (lúc bấy giờ là cán bộ giảng dạy của Khoa) rất nhiều trong việc biên soạn quyển *Từ Ngộ môn đến Thái Hoà điện* (Nxb Trẻ, 1994).

Một số tư liệu sưu tầm được trong khi đi thực tập đã được sinh viên xử lý để viết luận văn tốt nghiệp. Đề tài luận văn tốt nghiệp ngành Hán Nôm thường là phiên âm và chú thích một văn bản chữ Nôm, phiên dịch và chú thích một tác phẩm Hán văn của Việt Nam hoặc một công trình biên khảo của Trung Quốc, trong đó có một số luận văn có chất lượng cao và có những đóng góp mới như *Sơ bộ khảo sát Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi* (Nguyễn Nam), *Phương thức cấu tạo chữ Nôm trong Tự điển chữ Nôm của Vũ Văn Kính và Nguyễn Quang Xỷ* (Sầm Hùng Sùi), *Phiên dịch và chú thích ba chương 7, 8, 9 của Hán Việt ngữ nghiên cứu trong Hán ngữ luận văn văn tập của Vương Lực* (Phan Thị Thanh Thủy), *Tư liệu Hán Nôm sưu tầm được tại đảo Phú Quý* (Võ Thị Tâm), *Tuyển dịch và chú thích thơ vịnh nhân vật trong Cao Chu Thần thi tập* (Lê Văn Phết), *Phiên dịch và chú thích văn bia lăng Tự Đức* (Nguyễn Thị Kim Dân), v.v.

Mặt khác, những giáo trình về các chuyên đề Hán Nôm trong chương trình đào tạo đều do các cán bộ trong tổ Hán Nôm phụ trách biên soạn và giảng dạy. Một số giáo trình và sách tham khảo nhằm phục vụ cho công tác đào tạo đã được ấn hành như *Giáo trình tiếng Hán cổ* (Nguyễn Tri Tài), *Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm* (Nguyễn Khuê), *Từ điển Hán Việt* (soạn chung)...

Ngoài ra, phòng tư liệu của Khoa có một số lượng sách Hán Nôm khá lớn, chủ yếu là sách của Trung Quốc với những bộ sách đồ sộ và rất có giá trị như *Cổ Kim đồ thư tập thành*, *Tứ bộ bị yếu*,... Đây là nguồn tư liệu quý mà cán bộ và sinh viên Hán Nôm chưa có điều kiện khai thác hết.

Từ năm 1975 đến nay đã có 74 sinh viên tốt nghiệp cử nhân Hán Nôm (1975-1979: 19 sinh viên; 1980: 6 sinh viên; 1981: 5 sinh viên; 1982: 5 sinh viên; 1983: 8 sinh viên; 1985: 9 sinh viên; 1993: 12 sinh viên; 1994: 4 sinh viên; 1995: 6 sinh viên). Sinh viên Hán Nôm đã tốt nghiệp, không kể trường hợp làm việc không đúng ngành nghề, những người được giữ lại Khoa để làm cán bộ giảng dạy môn Hán Nôm hoặc môn văn học cổ, những người được các trường khác như Đại học Cần Thơ, Đại học Văn hoá, Đại học Sư phạm Qui Nhơn tuyển vào dạy chữ Hán và chữ Nôm, những người công tác tại các nhà bảo tàng, Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm, đều chứng tỏ có đủ khả năng hoàn thành công việc được giao. Một sinh viên Hán Nôm tốt nghiệp năm 1993 và một sinh viên ngữ văn tốt nghiệp hệ mở rộng khoá 3 có học lớp bồi dưỡng Hán Nôm do chúng tôi tổ chức, vì ở trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh không có cao học Hán Nôm, đã phải ra Hà Nội dự kỳ thi tuyển vào lớp cao học do Viện Hán Nôm tổ chức vào năm 1995. Kết quả một người đậu thủ khoa, một người đậu thứ hai trong số 17 người tưng tuyển. Nếu khả năng làm

việc của sinh viên sau khi ra trường là cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo, thì có thể nói là chúng tôi đã đào tạo có chất lượng.

#### II.4. Lý do sinh viên không thích học Hán Nôm

Trước đây, ở giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (ngành văn học và ngôn ngữ học), sinh viên phải một số tiết chữ Hán và chữ Nôm. Mặc dầu chúng tôi đã giải thích cho họ biết chữ Hán và chữ Nôm là công cụ cần thiết không thể thiếu được trong việc nghiên cứu và giảng dạy văn học, và nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt và tiếng Hán Việt, một số sinh viên vẫn tỏ ra lơ là chữ Hán và chữ Nôm, họ học là vì bị bắt buộc, học một cách miễn cưỡng. Cũng vì không nhận thức được sự ích lợi của chữ Hán và chữ Nôm mà khi biên soạn chương trình giáo dục đại cương, có một số ý kiến đề nghị bỏ hai môn này. Ông Trưởng Khoa Ngữ văn và Báo chí phải thuyết phục mới đưa được 90 tiết chữ Hán và 45 tiết chữ Nôm vào chương trình.<sup>7</sup>

Ở giai đoạn 2, sinh viên chọn ngành Hán Nôm rất ít. Trước kia, việc phân bổ sinh viên vào ngành Hán Nôm vừa có tính cách tự nguyện, vừa có tính cách bắt buộc; nếu số sinh viên chọn ngành này quá ít thì Khoa chỉ định thêm một số nữa cho đủ chỉ tiêu. Những năm trở lại đây, việc theo học ngành Hán Nôm hoàn toàn có tính cách tự nguyện. Nhiều năm Khoa không mở lớp Hán Nôm, hoặc có dự kiến mở nhưng không có sinh viên.

Sinh viên không thích học Hán Nôm vì nhiều lý do. Trước hết, đối với hầu hết sinh viên, việc học Hán Nôm không hợp thời. Ở thời đại khoa học kỹ thuật và kinh tế thị trường này mà học làm «đồ nho» thì thật là cổ lỗ sĩ và nghèo kiết. Lại nữa, học Hán Nôm vất vả, không học «tà tà» được. Đã thế, lúc ra trường lại khó tìm được việc làm thích hợp với khả năng chuyên môn. Từ 1975 đến nay, sinh viên tốt nghiệp ngành Hán Nôm có người làm việc ở cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin văn hoá, thậm chí có người công tác ở ngành giao thông vận tải, thương nghiệp... Một số ít người «may mắn» làm đúng ngành nghề (dạy môn Hán Nôm, công tác ở Trung tâm Nghiên cứu Hán Nôm...) thì lương tiền lại rất thấp. Trong lớp Hán Nôm, nhiều lần tôi khuyên sinh viên cố gắng học để khi ra trường có thể làm tốt công tác Hán Nôm được giao cho; nhưng tôi vẫn không quên dặn đi dặn lại họ phải học tiếng Trung Quốc cho giỏi và lấy thêm chứng chỉ B hoặc C Anh văn để, nếu cần, thì xin việc ở các công ty !

### III. **Giải pháp**

Trước thực trạng nêu trên, chúng tôi xin đề nghị một số giải pháp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên mạnh dạn chọn ngành Hán Nôm và khuyến khích họ phấn khởi trong khi theo học ngành này.

#### III.1. Cấp học bổng cho sinh viên Hán Nôm

Năm học 1994-1995 lớp Hán Nôm có 6 sinh viên, tất cả đều có học bổng, trong số đó có 2 sinh viên được cấp học bổng 2 lần, 3 sinh viên được trợ cấp để in luận văn tốt nghiệp. Năm học 1995-1996, 5 sinh viên được cấp học bổng. Nhưng thật ra, những học bổng này là do những nhà hảo tâm tặng thông qua mối quan hệ của Khoa và bộ môn. Nếu không có những Mạnh Thường Quân ấy thì lấy đâu ra học bổng ? Bởi vậy, chúng tôi đề nghị Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu vấn đề này và có văn bản quy định việc cấp học bổng cho tất cả sinh viên Hán Nôm bằng ngân quỹ đào tạo của Nhà nước. Trường cũng nên nói thêm năm học 1994-1995 có 43 sinh

viên năm thứ ba, khi phân ngành, chỉ có 2 sinh viên chọn ngành Hán Nôm. Trước tình hình đó, Ban chủ nhiệm Khoa đã gặp sinh viên để làm công tác tư tưởng và hứa cấp học bổng cho sinh viên nào chọn ngành Hán Nôm. Thế nhưng, vẫn không có thêm sinh viên nào chịu đăng ký học ngành này. Kết quả là không mở được lớp Hán Nôm. Điều đó khiến những người có trách nhiệm phải suy nghĩ.

### III.2. Đào tạo vừa đủ và có chất lượng

Nước ta muốn giàu mạnh tất phải phát triển về khoa học kỹ thuật và kinh tế. Nhưng, tương lai nào cũng khởi đi từ quá khứ và hiện tại. Quá khứ của dân tộc ta còn lại trong di sản văn hoá. Vì thế, chúng ta cần có một đội ngũ chuyên viên Hán Nôm để góp phần bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc. Đội ngũ này không cần đông mà chỉ cần đủ đáp ứng yêu cầu của công tác và phải có khả năng làm tốt công việc. Do đó, không nhất thiết phải mở liên tục các lớp Hán Nôm, không cần đào tạo nhiều. Lâu lâu, khi có yêu cầu, có «đặt hàng» thì chúng ta mở lớp đào tạo. Đào tạo vừa đủ và có chất lượng. Năm ba sinh viên cũng mở được. Đừng ngại đào tạo như vậy là tốn kém, không «kinh tế». Mặt khác, liệu chúng ta có thể đề nghị bớt số giờ học các môn khác để tăng thêm giờ cho môn Hán Nôm, hoặc tăng thời gian học lên 5 năm như trước đây có khoá đã từng làm chẳng? Nếu đào tạo như thế, số sinh viên ra trường chắc chắn sẽ làm công tác Hán Nôm và sẽ «sống chết» với nghề. Như vậy còn «kinh tế» hơn là đào tạo cho nhiều để rồi ra làm thương nghiệp.

### III.3. Mở cao học và tiến sĩ Hán Nôm

Khoa Ngữ văn và Báo chí đã được phép đào tạo cao học, phó tiến sĩ và tiến sĩ hai chuyên ngành văn học Việt Nam và ngôn ngữ học so sánh. Một lần nữa, chúng tôi đề nghị Khoa xin mở thêm cao học và tiến sĩ ngành Hán Nôm để đào tạo chuyên gia cấp cao cho ngành này, hầu có thêm những nhà nghiên cứu Hán Nôm có học vị cao, được đào tạo đầy đủ để làm công tác nghiên cứu và giảng dạy Hán Nôm; đồng thời cũng để cho sinh viên thấy nếu họ theo học ngành Hán Nôm thì họ cũng có thể tiếp tục học lên trên đại học như sinh viên hai ngành văn học và ngôn ngữ học. Tôi biết chúng ta có khó khăn là thiếu những người có đủ học hàm, học vị về Hán Nôm để dạy và chấm cao học và tiến sĩ ngành này. Tạm thời trước mắt, tôi nghĩ chúng ta có thể nhờ các giáo sư dạy văn học cổ trong và ngoài trường làm công việc ấy vì những vị này cũng thông hiểu chữ Hán và chữ Nôm; các giáo sư dạy ngữ văn Trung Quốc và các giáo sư làm việc tại Viện Hán Nôm.

### III.4. Đạy chữ Hán cho học sinh phổ thông

Để học sinh có thể hiểu và sử dụng đúng những từ Hán Việt, hiểu và cảm thụ văn học, nhất là văn học cổ, chúng tôi đề nghị cho các em học sinh phổ thông cấp 2 học thêm môn chữ Hán và lập thêm ban Hán văn ở trường phổ thông cấp 3. Đưa môn chữ Hán vào nhà trường phổ thông như thế nào, chương trình ra sao, số tiết mỗi tuần là bao nhiêu, đề nghị quý vị trao đổi thêm. Về vấn đề này, thiết tưởng chúng ta có thể dùng chương trình giáo dục Hoàng Xuân Hãn và chương trình môn Hán tự ở trung học đệ nhất cấp, chương trình ban D (ban cổ ngữ) ở trung học đệ nhị cấp tại miền Nam trước 1975 làm cơ sở để nghiên cứu. Và, như một hệ quả của vấn đề, sinh viên các trường trung học sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học sư phạm, ngành văn học, cũng cần học chữ Hán để sau khi ra trường họ có thể dạy lại chữ Hán cho học sinh phổ thông, tránh trường hợp đáng tiếc như một em học sinh phổ thông hỏi thầy giáo từ «*huong lu*» trong câu thơ «*Thất thế*

*huong lu ngoanh mat di*» (Nguyễn Bình Khiêm) nghĩa là gì và thầy đã trả lời «huong lu là lu huong» !

Hiện nay, sinh viên ngữ văn vào đại học mới bắt đầu học vỡ lòng chữ Hán như một kiến thức chung, lên giai đoạn 2, nếu theo học ngành Hán Nôm mới học chữ Hán như kiến thức ngành chính. Do đó, trình độ Hán văn của một cử nhân Hán Nôm không tương đương với trình độ Anh văn của một cử nhân Anh văn. Sinh viên ban Anh văn đã được học tiếng Anh 7 năm ở phổ thông, nhiều người còn học thêm ở các trung tâm ngoại ngữ, khi vào đại học họ lại được học ngay chuyên ngành Anh văn từ năm thứ nhất. Nếu ở bậc phổ thông có môn chữ Hán, có ban Hán tự (hay ban cổ ngữ) thì việc đào tạo ngành Hán Nôm ở đại học được thuận lợi hơn và có chất lượng hơn. Lại nữa, sinh viên Hán Nôm tốt nghiệp có thể được tuyển dụng để dạy chữ Hán ở trường phổ thông, và như vậy sẽ có thêm công việc thích hợp với sở học của họ.

Trên đây là một số suy nghĩ có tính cách gợi ý xung quanh vấn đề «ngành đào tạo Hán Nôm – thực trạng và giải pháp». Chúng tôi mong, với sự trao đổi, thảo luận của quý vị, cuộc hội thảo này có thể đi tới những ý kiến chung nhất, đề ra những giải pháp thiết thực và hữu hiệu, trước mắt và lâu dài, nhằm duy trì và phát triển ngành Hán Nôm, một ngành học có tính truyền thống và tính dân tộc, để kiến nghị lên Trường, và thông qua Trường, kiến nghị lên Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**NGUYỄN KHUÊ**

- 
- <sup>1</sup> Xem Nguyễn Khuê, Mấy suy nghĩ về việc dạy và học Hán Nôm, *Tạp san Khoa học*, Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, số 1, 1995 tr. 129-138.
  - <sup>2</sup> Xem Lê Đình Thắng, Sẽ còn ai theo học Hán Nôm? Báo *Tuổi Trẻ chủ nhật*, 04-12-1994; Cẩm Phô, Mại một Hán Nôm – nỗi lo! Báo *Sài Gòn giải phóng*, 06-08-1995.
  - <sup>3</sup> Xem Trần Văn Giáp, Tìm hiểu kho sách Hán Nôm, tập 1. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1984; tập 2. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
  - <sup>4</sup> Xem Di sản Hán Nôm Việt Nam – Thư mục đề yếu, 3 tập, GS. Trần Nghĩa và GS. François Gros đồng chủ biên, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 23-24.
  - <sup>5</sup> Số giờ Hán Nôm của sinh viên của cử nhân giáo khoa Việt Hán trường Đại học Văn khoa Sài Gòn trước năm 1975 lên đến 1.440 giờ.
  - <sup>6</sup> Ban Hán văn trường Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 1975 đã mở cao học văn chương Việt Hán và cao học văn chương Trung Hoa từ 1963 và mở tiến sĩ chuyên khoa Hán văn từ 1971.
  - <sup>7</sup> Trên thực tế chỉ có chương trình giáo dục đại cương khối trường đại học liên kết khu vực phía Nam mới có hai môn chữ Hán và chữ Nôm. Chương trình các trường đại học các khu vực khác không có hai môn này.